|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ |

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

**Thống nhất mẫu đề cương các học học phần năm 2019**

1. Thời gian bắt đầu: 19 giờ 00 ngày 23 tháng 8 năm 2019

2. Địa điểm: VP Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh.

3. Thành phần tham dự: Giảng viên giảng dạy CTĐT trình độ cử nhân ngành Quản lý nhà nước.

4. Chủ trì: PGS.TS. Trần Viết Quang, Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Phụ trách ngành Quản lý nhà nước.

5. Thư ký: ThS. Phạm Thị Thúy Hồng.

6. Nội dung cuộc họp:

Thảo luận và thống nhất mẫu đề cương các học phần ngành Quản lý nhà nước

1. PGS.TS Trần Viết Quang, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

Phần thảo luận các ý kiến:

- TS. Vũ Thị Phương Lê trình bày chủ trương của Nhà trường về việc rà soát và cập nhật đề cương các học phần đang giảng dạy.

- ThS Nguyễn Thị Lê Vinh: Cần bám sát đề cương mẫu và hướng dẫn thực hiện việc rà soát và cập nhật đề cương do Trường Đại học Vinh phổ biến.

- TS. Trương Thị Phương Thảo: Cập nhật đề cương cần song song với công tác cập nhật tài liệu tham khảo và ngân hang câu hỏi.

- TS Phạm Thị Bình, nên có mẫu đề cương cụ thể cho các học phần thuộc cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành.

7. Chủ trì cuộc họp kết luận nội dung cuộc họp

- Đồng ý với các ý kiến của cuộc họp chỉnh sửa Mẫu đề cương theo các ý kiến góp ý.

- Sau khi hoàn thiện thống nhất mẫu đề cương các học phần ngành quản lý nhà nươc cần phải thực hiện như sau:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***ĐỀ CƯƠNG MẪU***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:***

Địa chỉ liên hệ:

Email:

Điện thoại:

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2:***

Địa chỉ liên hệ:

Email:

Điện thoại:

Các hướng nghiên cứu chính:

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt):  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn  xXX | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

**3. Mục tiêu học phần**

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO4.1 | PLO4.2 | PL….. |
| 1.2.3 | 2.1.4 | 4.1.2 | 4.2.2 | …… |
| CLO….. | ✓ |  |  |  |  |
| CLO……. |  | ✓ |  |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
|  |  |  |  |  |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** a = a1 × 0.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 × 0.5.  Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm đánh giá giữa kỳ; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
|  |  |  |  |  |  |

***Thảo luận:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
|  |  |  |  |  |  |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  |  |  |

**Phụ lục 1: Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại**

(Dùng cho xây dựng ma trận CĐR CTĐT và xây dựng đề cương học phần)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KÝ HIỆU TĐNL** | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| ***Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động*** | …. | Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua | Có thể tham gia vào và đóng góp | Có thể hiểu và giải thích | Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện | Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |
| …… | 0.1 🡪 1.0 | 1.1 🡪 2.4 | 2.5 🡪 3.4 | 3.5 🡪 4.4 | 4.5 🡪 5.0 |
| ***Lĩnh vực về nhận thức*** | ….. | **-----** | - Biết | - Hiểu | - Áp dụng,  - Phân tích | - Tổng hợp,  - Đánh giá |
| .... | **-----** | - Nhớ | - Hiểu | - Áp dụng,  - Phân tích | - Đánh giá,  - Sáng tạo |
| ***Lĩnh vực về tâm vận động*** | …. | - Nhận thức  - Thiết lập | - Làm theo hướng dẫn | - Thuần thục | - Thành thạo kỹ năng phức tạp  - Thích ứng | - Sáng chế |
| …… | - Bắt chước có quan sát | - Làm lại theo cấu trúc nội tâm | - Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp | - Hoàn thiện thứ tự các hoạt động | - Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới |
| ***Lĩnh vực về cảm xúc*** | …… | **-----** | - Tiếp nhận hiện tượng | - Phản ứng với hiện tượng | - Chấp nhận giá trị (Valuing) | - Tổ chức  - Ứng xử |

Cuộc họp kết thúc vào 23 giờ 00, ngày 23 tháng 8 năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| THƯ KÝ  *A signature of a person  Description automatically generated*  ThS. Phạm Thị Thúy Hồng | CHỦ TRÌ  A blue signature on a white surface  Description automatically generated  **PGS. Trần Viết Quang** |

*Nơi nhận:*

- Lưu:

+ Bộ môn Chính trị học.

+ Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn.